

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Duy	Thành	3575030073	01/01/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
2	Nguyễn Thành	Đông	3575031183	02/08/1993	,00			Nợ HP
3	Nguyễn Hữu	Tài	3575031742	12/10/1993	,00	,00	,00	CT
4	Ngô Thùy	Nga	3575031769	24/03/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
5	La Thành	Vũ	3671030703	14/04/1994	,00			Nợ HP
6	Lê Phú Trường	Ân	3772050873	17/11/1995	4,10	6,40	5,70	
7	Bùi Văn	Cường	3772050978	10/05/1995	4,20	5,00	4,80	
8	Trần Minh	Thanh	3772050980	26/12/1995	4,10	3,40	3,60	
9	Lê Tiến	Vũ	3772050987	12/10/1995	3,00	1,20	1,70	
10	Huỳnh Thanh	Nguyên	3772050998	15/03/1995	2,80	,00	,80	CT
11	Trần Thành	Hiền	3772051010	13/05/1995	1,20	,00	,40	CT
12	Nguyễn Quang	Linh	3772051012	19/11/1993	1,50	,00	,50	CT
13	Phan Quốc	Vũ	3772051015	24/07/1995	,00	,00	,00	CT
14	Nguyễn Đình	Kim	3772051020	20/05/1994	5,80	4,20	4,70	
15	Nguyễn Minh	Thuận	3772051027	23/09/1995	2,30	,00	,70	CT
16	Nguyễn Ngọc	Trung	3772051032	12/04/1995	,90	,00	,30	CT
17	Lê Cát	Tường	3772051037	10/10/1995	2,10	,00	,60	CT
18	Đỗ Cao	Trí	3772051043	30/07/1995	3,70	5,80	5,20	
19	Lê Thành	Trung	3772051047	21/01/1994	2,30	,00	,70	CT
20	Đỗ Thành	Thy	3772051048	14/10/1995	2,80	,00	,80	CT
21	Nguyễn Hoàng	Huy	3772051053	21/10/1995	,00	,00	,00	CT
22	Huỳnh Nhật	Minh	3772051054	23/12/1994	,00	,00	,00	CT
23	Nguyễn Tiến	Nhật	3772051058	24/10/1995	,00	,00	,00	CT
24	Nguyễn Văn	Hương	3772051061	29/08/1995	3,70			
25	Trần Huy	Hồng	3772051064	16/12/1995	1,80	,00	,50	CT
26	Đặng Nguyễn Quốc	Quang	3772051071	28/04/1995	1,50	,00	,50	CT
27	Lê Văn	Cảnh	3772051075	07/11/1995	3,70	6,00	5,30	
28	Phạm Quang	Hải	3772051077	25/12/1995	3,40			
29	Nguyễn Tấn	Tài	3772051081	02/07/1995	4,10			
30	Lại Văn	Trí	3772051082	20/10/1995	,90	,00	,30	CT
31	Nguyễn Thành	Tâm	3772051084	10/02/1995	1,50	,00	,50	CT
32	Bùi Văn	Quỳnh	3772051088	10/02/1994	,00	,00	,00	CT
33	Võ Công	Thọ	3772051092	26/03/1995	3,90	4,90	4,60	
34	Vũ Hoài	Nam	3772051094	31/10/1994	3,10			
35	Bùi Nhật	Linh	3772051095	08/10/1995	3,20	5,30	4,70	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Văn	Nghiệp	3772051101	14/11/1995	4,20	4,50	4,40	
37	Phạm Trần Công	Phú	3772051103	19/07/1995	1,00	,00	,30	CT
38	Son Anh	Khoa	3772051107	30/11/1995	4,70	7,30	6,50	
39	Quách Thuận	Cảnh	3772051108	23/02/1995	,00	,00	,00	CT
40	Trần Thanh	Minh	3772051111	20/11/1995	5,60	5,00	5,20	
41	Nguyễn Anh	Ninh	3772051118	09/04/1995	4,50	5,00	4,90	
42	Trần Văn	Trí	3772051119	23/05/1995	3,20	4,30	4,00	
43	Đặng Thế	Trí	3772051132	20/02/1994	3,80	5,70	5,10	
44	Trần Đức	Nhật	3772051166	10/02/1995	2,40	,00	,70	CT
45	Lê Đình	Quyền	3772051170	15/02/1995	1,90	,00	,60	CT
46	Hà Quang	Chiến	3772051186	08/05/1995	4,10			
47	Phạm Trung	Cang	3772051187	25/09/1995	7,70	6,30	6,70	
48	Nguyễn Văn	Hùng	3772051192	20/08/1995	,00	,00	,00	CT
49	Võ Thành	Lợi	3772051197	04/09/1995	,00	,00	,00	CT
50	Phạm Quốc	Huy	3772051199	16/09/1994	4,90	2,20	3,00	
51	Trang Đoàn Đình	Thiện	3772051209	11/07/1995	1,30	,00	,40	CT
52	Đặng Quốc	Quý	3772051210	27/08/1994	7,90	6,00	6,60	
53	Phạm Văn	Thuận	3772051231	15/09/1995	,00	,00	,00	CT
54	Nguyễn Tấn	Son	3772051278	26/06/1995	2,00	1,80	1,80	
55	Phạm Hữu	Tuân	3772051293	25/06/1995	,00	,00	,00	CT
56	Nguyễn Hùng	Anh	3772051306	23/02/1993	1,50	,00	,50	CT
57	Hoàng Đại Gia	Long	3772051312	13/08/1995	2,80	,00	,80	CT
58	Đoàn Thanh	Huy	3772051321	07/08/1995	2,60	,00	,80	CT
59	Lê Thanh	Nhạc	3772051340	28/10/1995	2,50	,00	,80	CT
60	Nguyễn Nam	Trung	3772051349	05/02/1995	1,80	,00	,50	CT
61	Huỳnh Huy	Hoàng	3772051350	27/04/1994	3,50	5,50	4,90	
62	Nguyễn Quốc	Dũng	3772051398	10/09/1995	4,30	2,00	2,70	
63	Trần Trí	Nghĩa	3772051409	20/01/1995	2,20	,00	,70	CT

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)